TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2021
"Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.
Ông Nguyễn Thanh Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 184/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị M và anh L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B huyện C. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không

tin tưởng chị M, uống rượu vào thì đánh vợ con, có những lời nói không hay. Ngoài ra, chị M cũng có mâu thuẫn với cha mẹ chồng không hòa hợp được nên chị về sống bên mẹ ruột. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Hiện tại, chị M nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, và mâu thuẫn với cha mẹ chồng không giải quyết được; Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Lan A - sinh ngày 13/10/2007 và Trần Văn T – sinh ngày 09/12/2011. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian cưới nhau. Anh thừa nhận chỉ có 02 lần có hành vi bạo lực với chị M, nguyên nhân do chị M có thái độ đùa giỡn với những người nam khác trước mặt anh L. Bên cạnh đó, do chị M có mâu thuẫn với cha mẹ anh L nên anh theo chị về sống bên gia đình vợ, trong quá trình chung sống bên gia đình vợ anh buồn tủi và chị M không hiểu anh, nên anh thường hay uống rượu. Nhưng hiện tại anh còn tình cảm với vợ, và muốn vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo cho con nên nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Lan A - sinh ngày 13/10/2007 và Trần Văn T – sinh ngày 09/12/2011. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị M. Trường hợp ly hôn, 02 con chung muốn sống chung với ai thì anh L đồng ý theo nguyện vọng của các con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

+ Trích lục kết hôn (bản sao);

+ Trích lục khai sinh 02 con chung (bản sao);

+ Đơn yêu cầu hòa giải sớm (bản chính).

+ Văn bản trình bày ý kiến của 02 con chung (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Thanh Mỹ huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc M và anh Trần Văn L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã B huyện C. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay vẫn không giải quyết được. Nguyên nhân chính là do anh L thường hay uống rượu, hơn nữa vì không tin tưởng nên đôi khi anh có hành vi bạo lực với chị M. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa chị M và cha mẹ chồng cũng như giữa anh L với mẹ vợ cũng không được tốt đẹp, nên mặc dù trước đây do bất đồng với cha mẹ chồng nên chị về nhà mẹ ruột thì anh L cũng theo sống cùng chị, nhưng cuộc sống vẫn không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn nhưng anh L không đồng ý, anh cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng hiện tại anh vẫn còn tình cảm với vợ, và muốn vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy với thực trạng hôn nhân như trên cho thấy mâu thuẫn kéo dài giữa chị M và anh L đã trầm trọng, không giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn L.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Chị M và anh L trình bày vợ chồng có 02 con chung tên chung tên Trần Thị Lan A - sinh ngày 13/10/2007 và Trần Văn T – sinh ngày 09/12/2011. Hiện

02 con chung đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh L trình bày trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý theo nguyện vọng của 02 con chung.

Xét thấy, trong suốt thời gian qua thì 02 con chung sống chung với chị M đã ổn định về tâm sinh lý. Bên cạnh đó, 02 cháu cũng có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất của cháu Lan A và cháu T, đảm bảo tâm lý của 02 cháu được ổn định khi cha mẹ ly hôn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận để 02 cháu được tiếp tục sống chung với chị M.

Chị M và anh L có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh L được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó".

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét .

[4.3] Quan hệ chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Trúc M và anh Trần Văn L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc M được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Lan A - sinh ngày 13/10/2007 và Trần Văn T – sinh ngày 09/12/2011, hiện đang sống chung với chị M.

Chị M và anh L có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh L được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Trúc M và anh Trần Văn L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011597 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã B, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tuấn